

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011



Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		713.310.725.133	642.380.641.410
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	16.741.329.277	28.420.590.785
111	1. Tiền		16.741.329.277	28.420.590.785
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	8.696.000.000	11.970.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		8.696.000.000	11.970.000.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		135.491.026.945	156.714.151.389
131	1. Phải thu của khách hàng		136.809.019.986	143.560.596.104
132	2. Trả trước cho người bán		6.214.807.980	9.524.036.175
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	5. Các khoản phải thu khác	5	8.912.152.334	11.683.277.171
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(16.444.953.355)	(8.053.758.061)
140	IV. Hàng tồn kho		432.993.779.642	415.630.058.891
141	1. Hàng tồn kho	6	436.630.471.814	415.630.058.891
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(3.636.692.172)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		119.388.589.269	29.645.840.345
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		282.300.000	781.295.562
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	4.876.209.250
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.475.500	1.475.500
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	7	119.104.813.769	23.986.860.033
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		27.090.605.701	39.854.855.044
220	II. Tài sản cố định		25.238.451.653	31.274.683.754
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	25.159.319.786	31.274.683.754
222	- Nguyên giá		68.436.746.689	70.766.155.254
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(43.277.426.903)	(39.491.471.500)
230	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		79.131.867	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9	-	1.891.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		-	1.891.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.852.154.048	6.689.171.290
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.612.526.358	6.517.670.261
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		123.997.690	171.501.029
268	3. Tài sản dài hạn khác		115.630.000	-
269	VI. Lợi thế thương mại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		740.401.330.834	682.235.496.454

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤTTại ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		625.998.771.391	585.564.455.801
310	I. Nợ ngắn hạn		610.540.748.835	570.051.433.245
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	147.109.177.303	196.240.774.348
312	2. Phải trả người bán		298.324.225.062	255.545.320.854
313	3. Người mua trả tiền trước		122.650.856.548	94.317.570.509
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	5.853.003.994	4.814.956.929
315	5. Phải trả người lao động		9.256.166.978	5.001.793.873
316	6. Chi phí phải trả	13	18.140.874.991	1.969.848.203
317	7. Phải trả nội bộ		2.864.076.753	224.339.468
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	4.808.411.567	10.227.285.423
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		1.329.014.147	1.329.014.147
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		204.941.492	380.529.491
330	II. Nợ dài hạn		15.458.022.556	15.513.022.556
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	15	14.159.490.986	14.214.490.986
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		613.849.752	613.849.752
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		684.681.818	684.681.818
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		108.024.611.133	93.947.906.743
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	108.024.611.133	93.947.906.743
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		83.998.890.000	50.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		23.515.517.500	18.415.684.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		16.610.099.404	16.083.048.093
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.335.385.558	2.208.162.785
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(18.435.281.329)	7.241.011.865
439	C. LỢI ÍCH CÒ ĐÔNG THIỂU SỞ		6.377.948.310	2.723.133.910
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		740.401.330.834	682.235.496.454

Người lập

Đặng Nhân Sơn

Q.Kế toán trưởng

Trần Hồng Vân

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2012

Tổng giám đốc



Đặng Văn Hiếu

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm	
			Năm 2011	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2010
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	119.185.650.541	83.852.166.973	317.927.863.910	292.735.234.089
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu				-	
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		119.185.650.541	83.852.166.973	317.927.863.910	292.735.234.089
11	4. Giá vốn hàng bán	18	119.090.467.282	80.829.171.744	308.641.985.667	270.903.446.020
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		95.183.259	3.022.995.229	9.285.878.243	21.831.788.069
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	3.280.720.152	3.058.526.838	6.520.480.037	4.389.146.671
22	7. Chi phí tài chính	20	6.464.497.709	(6.236.835.874)	14.721.149.033	3.264.197.176
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		6.464.497.709	(6.236.835.874)	14.721.149.033	5.504.461.511
24	8. Chi phí bán hàng			-	-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	4.913.435.247	11.452.332.615	19.109.523.980	18.791.782.260
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		(8.002.029.545)	866.025.326	(18.024.314.733)	4.164.955.304
31	11. Thu nhập khác		336.162.761	1.351.826	1.034.472.623	12.076.351.826
32	12. Chi phí khác		653.257.147	20.158.097	714.519.274	6.277.765.511
40	13. Lợi nhuận khác		(317.094.386)	(18.806.271)	319.953.349	5.798.586.315
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(8.319.123.931)	847.219.055	(17.704.361.384)	9.963.541.619
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	(145.349.223)	162.148.952	570.220.471	2.430.920.909
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		6.166.335	12.880.355	24.665.339	25.760.711
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(8.179.941.043)	672.189.748	(18.299.247.194)	7.506.859.999
61	18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		257.140.878	475.736.135	999.060.053	853.277.255
62	18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ		(8.437.081.921)	196.453.613	(19.298.307.247)	6.653.582.744
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	(1.004)	39	(2.297)	1.331

Người lập

Đặng Nhân Sơn

Q.Kế toán trưởng

Trần Hồng Văn

3

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2012

Tổng Giám đốc



Đặng Văn Hiếu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011



Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 31/12/2011	Từ 01/01/2010 đến 31/12/2010
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(17.704.361.384)	9.963.541.619
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		3.888.998.246	7.178.291.995
03	Các khoản dự phòng		12.027.887.466	5.399.843.168
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(6.520.480.037)	(4.389.146.671)
06	Chi phí lãi vay		14.721.149.033	5.504.461.511
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		6.413.193.324	23.656.991.622
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(77.477.941.997)	106.006.766.008
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(21.000.412.923)	(182.379.246.048)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		86.107.496.618	21.669.305.762
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		5.404.139.465	166.165.360
13	Tiền lãi vay đã trả		(14.135.730.562)	(22.097.210.546)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.927.997.546)	(2.647.257.587)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		18.534.676.014	145.857.920
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.495.545.066)	(4.937.490.300)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.578.122.673) -	(60.416.117.809)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(41.050.909)	(1.604.077.628)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản		698.228.862	13.265.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(300.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		3.274.000.000	300.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.891.000.000	10.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.024.020.535	4.389.146.671
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		7.846.198.488	26.050.069.043
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		39.098.723.500	1.106.000.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		139.996.804.795	285.487.759.775
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(185.503.603.708)	(252.513.863.070)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(10.539.261.910)	(104.221.900)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(16.947.337.323)	33.975.674.805
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(11.679.261.508)	(390.373.961)

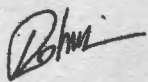
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 31/12/2011	Từ 01/01/2010 đến 31/12/2010
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		28.420.590.785	28.810.964.746
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		<u>16.741.329.277</u>	<u>28.420.590.785</u>

Người lập



Đặng Nhân Sơn

Q.Kế toán trưởng



Trần Hồng Vân

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2012

Tổng Giám đốc



Đặng Văn Hiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11

Tầng 1 - Tòa nhà Vinaconex - Khu ĐTM Trung Hòa - Nhân
Chính - Thanh Xuân - Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011



1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần xây dựng số 11 là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 377/QĐ-BXD ngày 02 tháng 04 năm 2003 của Bộ Xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 1 - Tòa nhà Vinaconex - Khu ĐTM Trung Hòa, Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh là: 83.998.890.000 VND (Tám mươi ba tỷ, chín trăm chín mươi tám triệu, tám trăm chín mươi ngàn đồng). Tương đương 8.399.889 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các công ty con sau:

Tên đơn vị

Đại chỉ

- | | |
|---|---|
| - Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 11.1 | Số 960 Đường Lê Thanh Nghị, Thành phố Hải Dương |
|---|---|

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103034626 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 15 tháng 01 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ mười bốn ngày 25 tháng 07 năm 2011, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy điện, bưu chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế 500KVA;
- Xây lắp công trình cấp thoát nước và nhà máy nước;
- Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông, văn hóa và du lịch;
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, khai thác, kinh doanh vật liệu xây dựng (trừ xi măng, sắt thép, clinke);
- Sản xuất cấu kiện bê tông xây dựng, lắp đặt các loại máy móc thiết bị;
- Trang trí nội ngoại thất;
- Kinh doanh bất động sản, xuất khẩu lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11

Tầng 1 - Tòa nhà Vinaconex - Khu ĐTM Trung Hòa - Nhân
Chính - Thanh Xuân - Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2011. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11

Tầng 1 - Tòa nhà Vinaconex - Khu ĐTM Trung Hòa - Nhân
Chính - Thanh Xuân - Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011



Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	03 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05	năm

Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

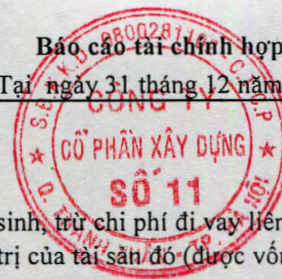
- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11

Tầng 1 - Tòa nhà Vinaconex - Khu ĐTM Trung Hòa - Nhân
Chính - Thanh Xuân - Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011



Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

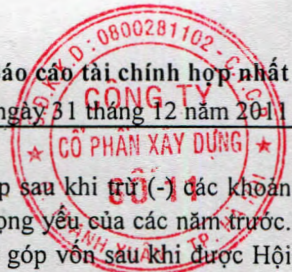
Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11

Tầng 1 - Tòa nhà Vinaconex - Khu ĐTM Trung Hòa - Nhân Chính - Thanh Xuân - Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011



Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành. Căn cứ để hạch toán doanh thu là Quyết toán A-B đối với các công trình hoàn thành nghiệm thu hoặc bản xác nhận khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành theo từng giai đoạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11

Tầng 1 - Tòa nhà Vinaconex - Khu ĐTM Trung Hòa - Nhân
Chính - Thanh Xuân - Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng đối với hoạt động của Công ty là 25%.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11

Tầng 1 - Tòa nhà Vinaconex - Khu ĐTM Trung Hòa - Nhân Chính - Thanh Xuân - Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**Tiền mặt
Tiền gửi ngân hàng

31/12/2011	01/01/2011
VND	VND
18.232.830	699.329.148
16.723.096.447	27.721.261.637
16.741.329.277	28.420.590.785

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn khác (*)

31/12/2011	01/01/2011
VND	VND
8.696.000.000	11.970.000.000
8.696.000.000	11.970.000.000

(*) Là khoản cho Công ty Cổ phần vật tư ngành nước vay theo các kế ước ngắn hạn với lãi suất dao động từ 0,8% đến 1,4%/tháng.

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCPhải thu về bảo hiểm xã hội
Phải thu về bảo hiểm y tế
Phải thu về lãi cho vay
Phải thu về tiền cốt pha các đội xây dựng
Phải thu khác

31/12/2011	01/01/2011
VND	VND
-	5.813.534
-	192.572
	3.710.208.541
	4.185.172.951
8.912.152.334	3.781.889.573
8.912.152.334	11.683.277.171

6 . HÀNG TỒN KHONguyên liệu, vật liệu
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Cộng giá gốc hàng tồn kho

31/12/2011	01/01/2011
VND	VND
40.190.611	40.190.611
436.590.281.203	415.589.868.280
436.630.471.814	415.630.058.891

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁCTạm ứng
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược

31/12/2011	01/01/2011
VND	VND
119.082.313.769	23.986.860.033
22.500.000	
119.104.813.769	23.986.860.033

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11

Tầng 1 - Tòa nhà Vinaconex - Khu ĐTM Trung Hòa - Nhân Chính -
Thanh Xuân - Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011



8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	1.503.725.891	45.874.367.450	20.404.380.368	2.983.681.545	70.766.155.254
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
- Mua sắm mới	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	(2.274.863.156)	(22.918.182)	(31.627.227)	(2.329.408.565)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.274.863.156)	(22.918.182)	(31.627.227)	(2.329.408.565)
Số dư cuối năm	1.503.725.891	43.599.504.294	20.381.462.186	2.952.054.318	68.436.746.689
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	1.311.203.329	27.824.042.498	9.069.974.516	1.286.251.157	39.491.471.500
Số tăng trong năm	114.229.834	3.786.819.297	1.870.371.185	58.588.113	5.830.008.429
- Trích khấu hao	114.229.834	3.786.819.297	1.870.371.185	58.588.113	5.830.008.429
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	(1.998.262.117)	(22.918.182)	(22.872.727)	(2.044.053.026)
- Chuyển sang BĐSĐT	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(373.963.810)	-	-	(373.963.810)
- Giảm khác	-	(1.624.298.307)	(22.918.182)	(22.872.727)	(1.670.089.216)
Số dư cuối năm	1.425.433.163	29.612.599.678	10.917.427.519	1.321.966.543	43.277.426.903
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Đầu năm	192.522.562	18.050.324.952	11.334.405.852	1.697.430.388	31.274.683.754
Cuối năm	78.292.728	13.986.904.616	9.464.034.667	1.630.087.775	25.159.319.786

Trong đó

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay;
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11

Tầng 1 - Tòa nhà Vinaconex - Khu ĐTM Trung Hòa - Nhân
Chính - Thanh Xuân - Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	-	1.891.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	-
	<u>-</u>	<u>1.891.000.000</u>

Chi tiết Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần Ông cốt sợi thủy tinh Vinaconex		1.891.000.000
	<u>-</u>	<u>1.891.000.000</u>

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	650.035.222	1.610.448.956
Cốt pha, đà giáo	210.706.475	3.969.417.553
Phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng		244.905.767
Chi phí trả trước dài hạn khác	751.784.661	692.897.985
	<u>1.612.526.358</u>	<u>6.517.670.261</u>

11 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	143.191.582.855	187.825.355.272
- Vay ngân hàng	110.470.937.215	142.965.294.272
- Vay tổ chức khác	31.820.645.640	43.690.061.000
- Vay cá nhân	900.000.000	1.170.000.000
Nợ dài hạn hạn đến hạn trả	3.917.594.448	8.415.419.076
	<u>147.109.177.303</u>	<u>196.240.774.348</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11Tầng 1 - Tòa nhà Vinaconex - Khu ĐTM Trung Hòa - Nhân
Chính - Thanh Xuân - Hà NộiBáo cáo tài chính hợp nhất
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011**Chi tiết vay ngắn hạn**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hải Dương (1)	39.496.930.141	67.303.143.325
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Hải Dương (2)	22.077.965.230	7.070.860.364
Cao Anh Tuấn	-	-
Luyện Thị Thanh	-	-
Nguyễn Quốc Sơn	-	-
Công ty CP Tư vấn XD - Vinaconsult	-	1.000.000.000
Công ty CP Đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2	548.960.168	2.000.000.000
Tổng Công ty CP XNK và XD Việt Nam (Vinaconex) (3)	26.271.685.472	27.690.061.000
Công ty CPXD Vinaconex 11.1	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Nam Thăng Long (4)	13.563.035.820	35.741.261.191
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hoàn Kiếm (5)	35.333.006.024	32.850.029.392
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Du lịch Vinaconex	-	3.000.000.000
BQLDA Đầu tư XD mở rộng đường Láng - HL	-	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	5.000.000.000	5.000.000.000
Mai Xuân Đài	-	250.000.000
Mai Quỳnh Trang	-	150.000.000
Trần Thị Hương Lan	-	50.000.000
Lại Thanh Bình	-	500.000.000
Trịnh Như Châu	-	220.000.000
Cá nhân khác	900.000.000	-
	143.191.582.855	187.825.355.272

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	4.850.103.804	1.472.378.614
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.001.938.190	3.339.715.265
Thuế Thu nhập cá nhân	962.000	2.863.050
Thuế Tài nguyên	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-
Các loại thuế khác	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
	5.853.003.994	4.814.956.929

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trích trước chi phí cho các công trình	2.303.142.065	1.094.801.348
Trích trước chi phí lãi vay	14.101.135.306	871.696.389
Trích trước chi phí phải trả khác	1.736.597.620	3.350.466
	18.140.874.991	1.969.848.203

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11

Tầng 1 - Tòa nhà Vinaconex - Khu ĐTM Trung Hòa - Nhân
Chính - Thanh Xuân - Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	844.650.852	651.117.336
Bảo hiểm xã hội	1.217.398.185	755.561.644
Bảo hiểm y tế	244.790.494	176.217.458
Bảo hiểm thất nghiệp	94.894.516	89.469.892
Phải trả về cổ phần hoá	23.100.000	23.100.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Phải trả cổ tức cho cổ đông	707.493.890	7.230.271.200
Phải trả cho các Đội xây dựng	-	353.889.333
Phải trả, phải nộp khác	1.676.083.630	947.658.560
	4.808.411.567	10.227.285.423

15 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	14.159.490.986	14.214.490.986
- Vay ngân hàng	14.159.490.986	14.214.490.986
	14.159.490.986	14.214.490.986

Chi tiết vay dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hải Dương (1)	7.489.490.986	7.489.490.986
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây (2)	170.000.000	225.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Nam Thăng Long (3)	6.500.000.000	6.500.000.000
	14.159.490.986	14.214.490.986

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (1) Bao gồm các hợp đồng với thời hạn vay từ 36 đến 60 tháng, với mục đích vay là phục vụ các dự án của Công ty. Hình thức đảm bảo tiền vay chủ yếu là tài sản hình thành từ vốn vay.
- (2) Hợp đồng vay số 01/2009/HĐTD ngày 10/09/2009 với thời hạn vay 41 tháng; mục đích vay là phục vụ các dự án của Công ty. Hình thức đảm bảo tiền là tài sản hình thành từ vốn vay.
- (3) Hợp đồng số 01/2009/HĐTD/NTL-VC11 năm 2009 với thời hạn vay 60 tháng; mục đích vay là để trang trải tiền thuê dài hạn văn phòng làm việc. Hình thức đảm bảo tiền là thế chấp quyền sử dụng văn phòng trụ sở của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11

Tầng 1 - Tòa nhà Vinaconex - Khu ĐTM Trung Hòa - Nhân Chính -
Thanh Xuân - Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011



16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	18.415.684.000	16.122.407.999	2.215.348.226	566.363.956	87.319.803.981
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	6.653.582.744	6.653.582.744
Tăng khác	-	-	-	-	21.065.165	21.065.165
Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-	(39.359.706)	(7.185.441)	-	(46.545.147)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu kỳ	50.000.000.000	18.415.684.000	16.083.048.093	2.208.162.785	7.241.011.865	93.947.906.743
Tăng vốn trong kỳ	33.998.890.000	5.099.833.500	-	-	-	39.098.723.500
Lãi/lỗ trong kỳ	-	-	-	-	(19.298.307.247)	(19.298.307.247)
Phân phối quỹ	-	-	527.051.311	127.222.773	-	654.274.084
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(5.313.440.000)	(5.313.440.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(410.271.863)	(410.271.863)
Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	83.998.890.000	23.515.517.500	16.083.048.093	2.335.385.558	(17.781.007.245)	108.024.611.133

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
- Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	25.500.000.000	30,36%	25.500.000.000	51,00%
- Đối tượng khác	58.498.890.000	69,64%	24.500.000.000	49,00%
	83.998.890.000	100,00%	50.000.000.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11

Tầng 1 - Tòa nhà Vinaconex - Khu ĐTM Trung Hòa - Nhân
Chính - Thanh Xuân - Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	83.998.890.000	50.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	33.998.890.000	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	83.998.890.000	50.000.000.000

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.399.889	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.399.889	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.399.889	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.399.889	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.399.889	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	16.610.099.404	16.083.048.093
Quỹ dự phòng tài chính	2.335.385.558	2.208.162.785
	18.945.484.962	18.291.210.878

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	315.169.018.495	259.698.841.941
Doanh thu về bán hàng	-	3.838.259.801
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.758.845.415	29.198.132.347
	317.927.863.910	292.735.234.089

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	304.555.022.130	244.743.752.596
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	3.569.602.879
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.086.963.537	22.590.090.545
	308.641.985.667	270.903.446.020

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11

Tầng 1 - Tòa nhà Vinaconex - Khu ĐTM Trung Hòa - Nhân
Chính - Thanh Xuân - Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

**19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.974.025.037	4.253.396.671
Cổ tức, lợi nhuận được chia	546.455.000	135.750.000
	6.520.480.037	4.389.146.671

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	14.721.149.033	4.428.410.640
Dự phòng các khoản đầu tư	-	240.264.335
	14.721.149.033	4.668.674.975

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	25.643.500	414.375
Chi phí nhân công	4.956.492.119	5.760.636.849
Chi phí khấu hao tài sản cố định	484.914.687	687.367.965
Thuế, phí, lệ phí	691.896.932	1.240.020.716
Chi phí dự phòng	8.391.195.294	7.561.577.611
Chi phí dịch vụ mua ngoài	802.856.127	761.142.768
Chi phí khác bằng tiền	3.756.525.321	2.895.320.081
	19.109.523.980	18.906.480.365

22 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(17.704.361.384)	9.963.541.619
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	(17.704.361.384)	9.963.541.619
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	570.220.471	2.430.920.909
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	570.220.471	2.430.920.909

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11

Tầng 1 - Tòa nhà Vinaconex - Khu ĐTM Trung Hòa - Nhân
Chính - Thanh Xuân - Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(19.298.307.247)	6.653.582.744
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	(19.298.307.247)	6.653.582.744
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.399.889	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.297)	1.331

24 . CAM KẾT HOẠT ĐỘNG

Tổng số tiền thuê 603 m2 tại tầng 1 - Tòa nhà Vinaconex - Khu ĐTM Trung Hòa - Nhân Chính - Thanh Xuân - Hà Nội với đơn giá 15USD/m2/tháng. Tỷ giá áp dụng hàng tháng giữa Việt Nam đồng và Đô la Mỹ lấy theo tỷ giá trung bình giữa giá bán ra và giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm thanh toán. Giá thuê này chỉ áp dụng cho năm thuê đầu tiên, các năm tiếp theo mức giá sẽ căn cứ vào quyết định chung về giá cho thuê mặt bằng tại khu đô thị của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty CP XNK và Xây dựng Việt Nam. Hợp đồng số 32A/HD-20 ngày 24 tháng 01 năm 2011 được ký với Tổng Công ty CP XNK và XD Việt Nam có thời hạn thuê là 3 năm. Thời điểm bắt đầu tính thuê là ngày 21 tháng 03 năm 2011.
Tại ngày kết thúc hoạt động, Công ty có các khoản cam kết hoạt động không hủy ngang thời hạn thanh toán.

25 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, đã được Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán (AASC).

Người lập

Đặng Nhân Sơn

Q. Kế toán trưởng

Trần Hồng Vân

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2012



Đặng Văn Hiếu